

Số: 142/2020/QĐST-HNGĐ

TP. Ninh Bình, ngày 27 tháng 10 năm 2020

**QUYẾT ĐỊNH  
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN  
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 200/2020/TLST - HNGĐ, ngày 07 tháng 10 năm 2020 về “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn” giữa:

Nguyên đơn: Anh Trịnh Đức A, sinh năm 19xx

Địa chỉ: Số xxx, đường KVC, phường LD, quận TD, thành phố Hồ Chí Minh.

Bị đơn: Chị Lê Thị Mỹ L, sinh năm 19xx

Địa chỉ: Số nhà xx, ngõ x, đường PHT, phố x, phường VG, thành phố NB, tỉnh Ninh Bình.

Căn cứ vào Điều 212; Điều 213 và Điều 147 của Bộ luật tố tụng Dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Điều 357 Bộ luật dân sự;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 19 tháng 10 năm 2020.

**XÉT THẤY:**

Việc thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 19 tháng 10 năm 2020 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn bảy ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

**QUYẾT ĐỊNH:**

1. Công nhận thuận tình ly hôn giữa anh Trịnh Đức A và chị Lê Thị Mỹ L.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về con chung: Chị Lê Thị Mỹ L trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Trịnh Minh Đ, sinh ngày 01/10/2018 đến khi cháu Đ đủ 18 tuổi.

Anh Trịnh Đức A có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Khi cần các bên có quyền đề nghị thay đổi việc nuôi con chung.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng cho con: Anh Trịnh Đức A có trách nhiệm cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho chị Lê Thị Mỹ L theo phương thức định kỳ hàng tháng là 5.000.000<sup>d</sup> (Năm triệu đồng)/tháng, kể từ tháng 11 năm 2020 cho đến khi cháu Đ đủ 18 tuổi.

Kể từ ngày chị Lê Thị Mỹ L có đơn yêu cầu thi hành án, mà anh Trịnh Đức A không chịu thi hành án khoản tiền cấp dưỡng thì hàng tháng anh Trịnh Đức A còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền chưa thi hành án, lãi suất phát sinh do chậm trả được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất được quy định tại Điều 357, Khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự. Nếu không thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

2.2. Về tài sản chung; Công nợ chung: Anh Trịnh Đức A và chị Lê Thị Mỹ L đều xác nhận vợ chồng không có tài sản chung, không có công nợ chung. Nên không đề nghị Tòa án giải quyết.

2.3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Anh Trịnh Đức A tự nguyện nộp toàn bộ án phí thuận tình ly hôn là 150.000<sup>d</sup> (Một trăm năm mươi nghìn đồng).

Về án phí cấp dưỡng nuôi con chung: Anh Trịnh Đức A phải nộp 150.000<sup>d</sup> (Một trăm năm mươi nghìn đồng).

Hai khoản tiền trên được trừ vào số tiền tạm ứng án phí anh Trịnh Đức A đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2018/0001636 ngày 06/10/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Ninh Bình.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Ninh Bình;
- VKSND TP. Ninh Bình;
- Chi cục THADS TP Ninh Bình;
- UBND phường DT;
- Các đương sự;
- Lưu VP;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**THẨM PHÁN**

**Phạm Thị Tuyết**